

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Hưng Yên, ngày 22-tháng 04 năm 2026

Hung Yen, April 22<sup>nd</sup> 2026

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**  
**To: Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát/ Hoa Phat group  
 - Mã chứng khoán/ *Stock code*: HPG  
 - Địa chỉ/*Address*: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Pho Noi A Industrial Park, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam  
 - Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 024.39747751  
 - E-mail: [ir@hoaphat.com.vn](mailto:ir@hoaphat.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

*Nghi Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ Resolution of HPG's 2026 AGM*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/04/2026 tại đường dẫn <https://www.hoaphat.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-co-dong>

*/This information was published on the company's website on 12/04/2026, as in the link <https://www.hoaphat.com.vn/investor-relations/shareholders-meeting>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

*Tài liệu đính kèm/Attached documents:*

### Đại diện tổ chức

*Organization representative*

Người đại diện theo pháp luật

*Legal representative*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Việt Cường*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ.2026

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát số 01/BB-ĐHĐCĐ.2026 ngày 21/4/2026;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

**1.1.** Thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát nhiệm kỳ 2026 – 2031:

a. Hội đồng Quản trị gồm 10 thành viên:

- Ông Trần Đình Long
- Ông Trần Tuấn Dương
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
- Ông Doãn Gia Cường
- Ông Hoàng Quang Việt
- Ông Nguyễn Ngọc Quang
- Ông Nguyễn Việt Thắng
- Ông Chu Quang Vũ
- Ông Đặng Ngọc Khánh
- Ông Tạ Tuấn Quang

b. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Bà Bùi Thị Hải Vân
- Bà Ngô Lan Anh
- Bà Thái Thị Lộc

c. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, các Quy chế hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật kể từ ngày lập Biên bản này đến khi Đại hội đồng cổ đông thường





niên năm 2031 thông qua việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới thay thế.

1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của toàn Tập đoàn:

- Kế hoạch doanh thu toàn Tập đoàn dự kiến: **210.000 tỷ đồng.**
- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn dự kiến: **22.000 tỷ đồng.**

1.3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị số 03.1/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.

1.4. Thông qua báo cáo của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập số 03.2/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.

1.5. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát số 04/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.

1.6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

**a. Phân phối lợi nhuận năm 2025**

Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát được chi tiết sau (số liệu sau kiểm toán, đơn vị tính: Việt Nam Đồng):

| TT  | Chỉ tiêu                                                                                                            | Tỷ lệ trích | Công ty mẹ                | Hợp nhất                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31.12.2024 (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                             |             | 16.029.246.777.223        | 49.599.124.109.203        |
| 2   | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025</b> (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                                           |             | <b>14.074.174.223.862</b> | <b>15.514.931.571.606</b> |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31.12.2025 (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                             |             | 16.287.830.117.381        | 51.037.901.749.343        |
| 4   | <b>Trích lập Quỹ Khen thưởng Phúc lợi:</b>                                                                          |             | <b>259.169.000.000</b>    | <b>335.000.000.000</b>    |
| 4.1 | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi</i>                                                                                     | 1%          | <b>79.169.000.000</b>     | <b>155.000.000.000</b>    |
| a   | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi đã tạm trích tại các công ty thành viên (Trình bày trên BCTC năm 2025 đã kiểm toán)</i> |             |                           | 72.631.000.000            |
| b   | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi trích bổ sung</i>                                                                       |             | 79.169.000.000            | 82.369.000.000            |

|          |                                                                                                        |    |                           |                           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------|---------------------------|
| 4.2      | Thù lao Hội đồng quản trị (1% x Lợi nhuận sau thuế)                                                    | 1% | 155.000.000.000           | 155.000.000.000           |
| 4.3      | Quỹ Khen thưởng Ban điều hành (5% phần vượt kế hoạch năm)                                              | 5% | 25.000.000.000            | 25.000.000.000            |
| <b>5</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 còn lại sau khi trích các quỹ</b><br>(5=3-4.1.b-4.2-4.3) |    | <b>16.028.661.117.381</b> | <b>50.775.532.749.343</b> |

Mức chi trả cổ tức 2025 dựa trên **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 còn lại sau khi trích các quỹ** được trình bày tại khoản 1.6 Điều 1 Nghị quyết này.

**b. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026**

- Quỹ đầu tư phát triển: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc xem xét, quyết định việc trích và chi quỹ cụ thể. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.
- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: Mức trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế thực đạt. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc trích và chi quỹ cụ thể. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Ban điều hành các công ty thành viên: Tối đa 5% của phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Tối đa bằng 1% lợi nhuận sau thuế thực đạt của năm 2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức, mức chi thù lao cụ thể cho từng thành viên trong nguồn lực tổng quỹ thù lao đã được phê duyệt.

**1.7. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025:**

**a. Phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- Mã chứng khoán : HPG
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ hiện nay : 76.754.658.550.000 đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ : 10%/Vốn điều lệ



- phiếu (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức : 767.546.585 cổ phiếu
  - Tổng giá trị dự kiến phát hành để trả cổ tức theo mệnh giá : 7.675.465.850.000 đồng.
  - Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
  - Đối tượng phát hành : Các cổ đông hiện hữu của HPG có tên trong danh sách người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành trả cổ tức do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
  - Nguồn vốn phát hành cổ phiếu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025.
  - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phần thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.  
  
Ví dụ: Cổ đông sở hữu 178 cổ phiếu, số cổ phiếu trả cổ tức được nhận tạm tính là  $178 \times 10\% = 17,8$  cổ phiếu.  
  
Số cổ phiếu cổ đông sẽ thực nhận là 17 cổ phiếu; 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
  - Thời gian phát hành dự kiến : Từ tháng 04/2026 và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu.
  - Phương thức phân phối : Đối với chứng khoán đã lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán - nơi mở tài khoản lưu ký.  
  
Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, địa chỉ: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội vào các

ngày làm việc trong tuần. Khi đến nhận cổ tức, cổ đông xuất trình CMND/CCCD và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, thay đổi đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.

**b. Phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- Mã chứng khoán : HPG
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ hiện nay : 76.754.658.550.000 đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt : 5%/Vốn điều lệ
- Nguồn chi trả : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025
- Thời gian chi trả : Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định

**1.8. Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2026: Dự kiến 15%.**

**1.9. Thông qua báo cáo thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 theo tờ trình số 08/TT-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.**

**1.10. Thông qua nội dung cập nhật ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty theo tờ trình số 09/TT-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026. Cụ thể:**

**a. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)<br>Chi tiết: Đầu tư tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6499     |                              |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4661     |                              |
| 3.  | Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4781     |                              |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020     |                              |
| 5.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>Chi tiết: Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu; sản xuất cán kép thép; sản xuất tôn lợp                                                                           | 2420     |                              |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác; Bán buôn ống thép inox, ống thép hợp kim; Buôn bán các sản phẩm nhôm dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng. | 4672     |                              |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn các sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa gồm hạt nhựa, ống nhựa, cửa nhựa, khung nhựa, tấm trần nhựa; Bán buôn khung nhà, giàn và các cấu kiện thép xây dựng.                                                                                                                                                                                                                            | 4673 |  |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3101 |  |
| 9.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3102 |  |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3109 |  |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; thiết bị ngành luyện và cán thép; bao bì các loại. | 4679 |  |
| 12. | Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng<br>(Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất; hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6829 |  |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)                                                                                                       | 4671 |  |
| 14. | Truyền tải và phân phối điện<br>(Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3513 |  |



|     |                                                                                      |      |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)       |      |  |
| 15. | Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng                                             | 8210 |  |
| 16. | Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính                                    | 6220 |  |
| 17. | Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác                               | 6290 |  |
| 18. | Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan | 6310 |  |

**b. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký                                                                                                 | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                | 0114     |         |
| 2.  | Trồng cây cà phê                                                                                                                                             | 0126     |         |
| 3.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                       | 0129     |         |
| 4.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                    | 0117     |         |
| 5.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                   | 0122     |         |
| 6.  | Sản xuất đường                                                                                                                                               | 1072     |         |
| 7.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                               | 1701     |         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)                                                                    | 6499     |         |
| 9.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Buôn bán ô tô, xe máy                                                                                                         | 4541     |         |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật)                                                     | 7020     |         |
| 11. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý<br>Chi tiết: Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu; sản xuất cán kép thép; sản xuất tôn lợp | 2420     |         |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (không bao gồm hoạt động             | 4662     |         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | quy định tại mục 16 Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP); Bán buôn ống thép inox, ống thép hợp kim; Bán buôn các sản phẩm nhôm dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.                                                                                                                                                                                                        |      |  |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn các sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa gồm hạt nhựa, ống nhựa, cửa nhựa, khung nhựa, tấm trần nhựa; Bán buôn khung nhà, giàn và các cấu kiện thép xây dựng.                                                                                                                 | 4663 |  |
| 14. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác.                                                                                                                                                                                                                                                       | 3100 |  |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; thiết bị ngành luyện và cán thép; bao bì các loại.                                                                                                                                                                      | 4669 |  |
| 16. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0112 |  |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Quản lý vận hành nhà chung cư; Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Cho thuê nhà, văn phòng. | 6820 |  |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510 |  |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác (không bao gồm hoạt động quy định tại mục 1.6, Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP).                                                                                                                                                                         | 4661 |  |
| 20. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3511 |  |



|     |                                                                                                                                                                                                             |      |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Du lịch và dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài). | 7990 |  |
| 22. | Truyền tải và phân phối điện (không bao gồm hoạt động quy định tại mục 1, Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP)                                                                                   | 3512 |  |
| 23. | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ                                                                                                                                                        | 8010 |  |
| 24. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                       | 8211 |  |
| 25. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng                                                                       | 6201 |  |
| 26. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                         | 6202 |  |
| 27. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính, cài đặt phần mềm.                                                             | 6209 |  |
| 28. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan hạ tầng thông tin                                                                        | 6311 |  |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                           | 4312 |  |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                      | 4653 |  |
| 31. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                               | 0150 |  |
| 32. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                             | 1040 |  |
| 33. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                         | 1050 |  |
| 34. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                | 0161 |  |
| 35. | Chăn nuôi khác (Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 0149 |  |

**c. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1.  | <p>Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p>           | 0145     |                              |
| 2.  | <p>Chăn nuôi gia cầm</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p>                             | 0146     |                              |
| 3.  | <p>Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt</p> <p>(Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p>                                                     | 1010     |                              |
| 4.  | <p>Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản</p> <p>(Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p>                                                       | 1080     |                              |
| 5.  | <p>Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p> | 0141     |                              |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620     |                              |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | <p>và động vật sống (Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản</p>                                                                                                                                      |      |  |
| 7.  | <p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p>                                                                                                                                                                                                                           | 4632 |  |
| 8.  | <p>Tái chế phế liệu</p> <p>(trừ các loại Nhà nước cấm)</p> <p>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3830 |  |
| 9.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p> <p>Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ các mặt hàng bị cấm theo quy định của pháp luật);</p> | 8299 |  |
| 10. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa (Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |  |
| 11. | Bán buôn tổng hợp (Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |  |

|     |                                                                                                                  |      |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)                                                                   |      |  |
| 12. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Không bao gồm dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)) | 8220 |  |
| 13. | Sản xuất than cốc<br>(Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)                                                      | 1910 |  |

d. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty khác với nội dung đề xuất điều chỉnh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Quyết định này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc xóa bỏ, bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổng Giám đốc được quyền quyết định thực hiện thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty cho phù hợp nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

e. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc làm thủ tục thông báo thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.

**1.11.** Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ theo tờ trình số 10/TT-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.

**1.12.** Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán theo tờ trình số 11/TT-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.

**Điều 2.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận liên quan có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu./.

**T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Trần Đình Long*



Số: 01/BB-ĐHĐCĐ.2026

**BIÊN BẢN HỌP**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

Trụ sở chính: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0900189284 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 26/10/2001.

**I. Thời gian, địa điểm họp**

Thời gian họp: 08 giờ 44 phút ngày 21/4/2026.

Địa điểm họp: Hội trường lớn Grand Ballroom, Khách sạn Melia Hanoi, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**II. Nội dung cuộc họp**

Người dẫn chương trình tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**1. Điều kiện tiến hành Đại hội:**

Bà Bùi Thị Hải Vân – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty đọc báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu. Tại thời điểm 08 giờ 44 phút: có **950 đại biểu** đến tham dự trực tiếp Đại hội, đại diện cho **5.042.923.952 cổ phần** trên tổng số **7.675.465.855 cổ phần**, chiếm **65,7019%** cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết dự họp.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công ty, tỷ lệ tham dự nêu trên đủ điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**2. Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội:**

- Ông Trần Đình Long – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa cuộc họp
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Thắng – Tổng Giám đốc

**3. Ban Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch chỉ định gồm:**

- Bà Tào Nguyệt Ánh – Trưởng ban

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thành viên
- Bà Ngô Lan Anh – Thành viên

**4. Đoàn Chủ tịch giới thiệu Ban Kiểm phiếu gồm:**

- Ông Nguyễn Ngọc Quang – Trưởng ban
- Bà Bùi Thị Hải Vân – Thành viên
- Ông Trần Quang Huy – Thành viên

Người dẫn chương trình hướng dẫn Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Quy chế bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031 bằng hình thức bỏ phiếu điện tử với tỷ lệ thông qua trên **99%**.

**III. Thảo luận**

Sau khi dành thời gian để cổ đông nghiên cứu các nội dung trong chương trình họp, Đoàn Chủ tịch trao đổi và giải đáp thắc mắc của cổ đông về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn. Cụ thể: Cập nhật kết quả doanh thu và lợi nhuận Quý I/2026; Công nghệ áp dụng, kế hoạch sản xuất thép đường ray và các linh kiện đường sắt cao tốc; Kế hoạch triển khai, sản phẩm của dự án thép ở Phú Yên; Kế hoạch triển khai các dự án Khu công nghiệp; Quy mô và tầm vóc của Dự án Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng; Kết quả kinh doanh và lợi nhuận của mảng Điện máy gia dụng; Tình hình triển khai dự án sản xuất container và nhiều nội dung quan trọng khác.

**IV. Biểu quyết**

Kết thúc phần thảo luận, Chủ tọa Đại hội đề nghị bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình họp và tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Các nội dung trình Đại hội được biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Phiếu biểu quyết đã được cài đặt sẵn trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Đại biểu tự chuẩn bị thiết bị điện tử kết nối internet phù hợp để biểu quyết. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác được cung cấp trên Thông báo thông tin đăng nhập để đăng nhập vào Hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện biểu quyết, bầu cử.

Sau khi kết thúc phần biểu quyết, bầu cử, thành viên ban Kiểm phiếu – Bà Bùi Thị Hải Vân thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, các nội dung sau đã được Đại hội thông qua cụ thể như sau:

- **Nội dung 1.** Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 của toàn Tập đoàn:
  - Kế hoạch doanh thu toàn Tập đoàn dự kiến: **210.000 tỷ đồng.**



– Kế hoạch lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn dự kiến: **22.000 tỷ đồng.**

- **Nội dung 2.** Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị số 03.1/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
- **Nội dung 3.** Thông qua báo cáo của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập số 03.2/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
- **Nội dung 4.** Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát số 04/BC-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
- **Nội dung 5.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

**a. Phân phối lợi nhuận năm 2025:**

Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát được chi tiết sau (số liệu sau kiểm toán, đơn vị tính: Việt Nam Đồng):

| TT  | Chỉ tiêu                                                                                                            | Tỷ lệ trích | Công ty mẹ                | Hợp nhất                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31.12.2024 (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                             |             | 16.029.246.777.223        | 49.599.124.109.203        |
| 2   | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025</b> (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                                           |             | <b>14.074.174.223.862</b> | <b>15.514.931.571.606</b> |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31.12.2025 (Theo BCTC năm 2025 đã kiểm toán)                             |             | <b>16.287.830.117.381</b> | <b>51.037.901.749.343</b> |
| 4   | <b>Trích lập Quỹ Khen thưởng Phúc lợi:</b>                                                                          |             | <b>259.169.000.000</b>    | <b>335.000.000.000</b>    |
| 4.1 | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi</i>                                                                                     | 1%          | <b>79.169.000.000</b>     | <b>155.000.000.000</b>    |
| a   | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi đã tạm trích tại các công ty thành viên (Trình bày trên BCTC năm 2025 đã kiểm toán)</i> |             |                           | 72.631.000.000            |
| b   | <i>Quỹ Khen thưởng Phúc lợi trích bổ sung</i>                                                                       |             | 79.169.000.000            | 82.369.000.000            |
| 4.2 | Thù lao Hội đồng quản trị (1% x Lợi nhuận sau thuế)                                                                 | 1%          | 155.000.000.000           | 155.000.000.000           |

|     |                                                                                                        |    |                           |                           |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------|---------------------------|
| 4.3 | Quỹ Khen thưởng Ban điều hành<br>(5% phần vượt kế hoạch năm)                                           | 5% | 25.000.000.000            | 25.000.000.000            |
| 5   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 còn lại sau khi trích các quỹ</b><br>(5=3-4.1.b-4.2-4.3) |    | <b>16.028.661.117.381</b> | <b>50.775.532.749.343</b> |

Mức chi trả cổ tức 2025 dựa trên **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 còn lại sau khi trích các quỹ** được trình bày tại Nội dung 6 Biên bản này.

**b. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:**

- Quỹ đầu tư phát triển: ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc xem xét, quyết định việc trích và chi quỹ cụ thể. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.
- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: Mức trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế thực đạt. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc trích và chi quỹ cụ thể. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Ban điều hành các công ty thành viên: Tối đa 5% của phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Tối đa bằng 1% lợi nhuận sau thuế thực đạt của năm 2026. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức, mức chi thù lao cụ thể cho từng thành viên trong nguồn lực tổng quỹ thù lao đã được phê duyệt.

• **Nội dung 6. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025:**

**a. Phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
- Mã chứng khoán : HPG
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ hiện nay : 76.754.658.550.000 đồng
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : **10%/Vốn điều lệ**



(Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức : 767.546.585 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành để trả cổ tức theo mệnh giá : 7.675.465.850.000 đồng.
- Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025
- Đối tượng phát hành : Các cổ đông hiện hữu của HPG có tên trong danh sách người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành trả cổ tức do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
- Nguồn vốn phát hành cổ phiếu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phần thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.  
  
Ví dụ: Cổ đông sở hữu 178 cổ phiếu, số cổ phiếu trả cổ tức được nhận tạm tính là  $178 \times 10\% = 17,8$  cổ phiếu.  
  
Số cổ phiếu cổ đông sẽ thực nhận là 17 cổ phiếu; 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- Thời gian phát hành dự kiến : Từ tháng 04/2026 và sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu.
- Phương thức phân phối : Đối với chứng khoán đã lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các công ty chứng khoán - nơi mở tài khoản lưu ký.  
  
Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, địa chỉ: 66 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội vào các ngày

làm việc trong tuần. Khi đến nhận cổ tức, cổ đông xuất trình CMND/CCCD và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức nêu trên sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, thay đổi đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ, cổ phần mới theo kết quả thực tế của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.

b. **Phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
  - Mã chứng khoán : HPG
  - Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
  - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần
  - Vốn điều lệ hiện nay : 76.754.658.550.000 đồng
  - Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt : 5%/Vốn điều lệ
  - Nguồn chi trả : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025
  - Thời gian chi trả : Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định
- **Nội dung 7.** Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2026: Dự kiến 15%.
  - **Nội dung 8.** Thông qua báo cáo thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 theo tờ trình số 08/TT-ĐHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
  - **Nội dung 9.** Thông qua nội dung sửa đổi chi tiết và bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:
1. **Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:**



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)<br>Chi tiết: Đầu tư tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6499     |                              |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4661     |                              |
| 3.  | Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4781     |                              |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020     |                              |
| 5.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>Chi tiết: Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu; sản xuất cán kép thép; sản xuất tôn lợp                                                                           | 2420     |                              |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác; Bán buôn ống thép inox, ống thép hợp kim; Bán buôn các sản phẩm nhôm dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng. | 4672     |                              |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br><br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn các sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa gồm hạt nhựa, ống nhựa, cửa nhựa, khung nhựa, tấm trần nhựa; Bán buôn khung nhà, giàn và các cấu kiện thép xây dựng.                                                                                                                                                                                                                            | 4673 |  |
| 8.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3101 |  |
| 9.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3102 |  |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3109 |  |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br><br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; thiết bị ngành luyện và cán thép; bao bì các loại. | 4679 |  |
| 12. | Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng<br>(Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất; hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghỉ trang, nghỉ địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6829 |  |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br><br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác (không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)                                                                                                       | 4671 |  |
| 14. | Truyền tải và phân phối điện<br>(Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3513 |  |



|     |                                                                                      |      |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | trong lĩnh vực thương mại.)                                                          |      |  |
| 15. | Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng                                             | 8210 |  |
| 16. | Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính                                    | 6220 |  |
| 17. | Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác                               | 6290 |  |
| 18. | Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan | 6310 |  |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký                                                                                                                                          | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                         | 0114     |         |
| 2.  | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                      | 0126     |         |
| 3.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                | 0129     |         |
| 4.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                             | 0117     |         |
| 5.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                            | 0122     |         |
| 6.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                        | 1072     |         |
| 7.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                        | 1701     |         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)                                                                                                             | 6499     |         |
| 9.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Buôn bán ô tô, xe máy                                                                                                                                                  | 4541     |         |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật)                                                                                              | 7020     |         |
| 11. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý<br>Chi tiết: Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu; sản xuất cán kép thép; sản xuất tôn lợp                                          | 2420     |         |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (không bao gồm hoạt động quy định tại mục 16 Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định | 4662     |         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
|     | 31/2021/NĐ-CP); Bán buôn ống thép inox, ống thép hợp kim; Buôn bán các sản phẩm nhôm dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.                                                                                                                                                                                                                                                             |      |  |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn các sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa gồm hạt nhựa, ống nhựa, cửa nhựa, khung nhựa, tấm trần nhựa ; Bán buôn khung nhà, giàn và các cấu kiện thép xây dựng.                                                                                                                | 4663 |  |
| 14. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác.                                                                                                                                                                                                                                                       | 3100 |  |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; thiết bị ngành luyện và cán thép; bao bì các loại.                                                                                                                                                                      | 4669 |  |
| 16. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0112 |  |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Quản lý vận hành nhà chung cư; Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Cho thuê nhà, văn phòng. | 6820 |  |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510 |  |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác (không bao gồm hoạt động quy định tại mục 1.6, Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP).                                                                                                                                                                         | 4661 |  |
| 20. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3511 |  |



|     |                                                                                                                                                                                                             |      |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Du lịch và dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài). | 7990 |  |
| 22. | Truyền tải và phân phối điện (không bao gồm hoạt động quy định tại mục 1, Danh mục A, Phụ lục I, Nghị định 31/2021/NĐ-CP)                                                                                   | 3512 |  |
| 23. | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ                                                                                                                                                        | 8010 |  |
| 24. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                       | 8211 |  |
| 25. | Lập trình máy vi tính<br>Chi tiết: Viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng                                                                       | 6201 |  |
| 26. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                         | 6202 |  |
| 27. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính, cài đặt phần mềm.                                                             | 6209 |  |
| 28. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan hạ tầng thông tin                                                                        | 6311 |  |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                           | 4312 |  |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                      | 4653 |  |
| 31. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                               | 0150 |  |
| 32. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                             | 1040 |  |
| 33. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                         | 1050 |  |
| 34. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                | 0161 |  |
| 35. | Chăn nuôi khác (Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                  | 0149 |  |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1.  | <p>Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p>           | 0145     |                              |
| 2.  | <p>Chăn nuôi gia cầm</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p>                             | 0146     |                              |
| 3.  | <p>Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt</p> <p>(Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p>                                                     | 1010     |                              |
| 4.  | <p>Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản</p> <p>(Trừ canh tác, sản xuất hoặc chế biến các loại cây trồng quý hiếm, chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật hay cây trồng này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p>                                                       | 1080     |                              |
| 5.  | <p>Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò</p> <p>(Trừ chăn nuôi gây giống động vật hoang dã quý hiếm và chế biến, xử lý các động vật này, bao gồm cả động vật sống và các chế phẩm từ chúng)</p> <p>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá)</p> | 0141     |                              |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 6.  | <p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p> <p>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản</p>                                                                                | 4620 |  |
| 7.  | <p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p>                                                                                                                                                                                                                           | 4632 |  |
| 8.  | <p>Tái chế phế liệu</p> <p>(trừ các loại Nhà nước cấm)</p> <p>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3830 |  |
| 9.  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</p> <p>Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ các mặt hàng bị cấm theo quy định của pháp luật);</p> | 8299 |  |
| 10. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa (Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |  |

|     |                                                                                                                                                     |      |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|
| 11. | Bán buôn tổng hợp (Không kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại.) | 4690 |  |
| 12. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Không bao gồm dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))                                    | 8220 |  |
| 13. | Sản xuất than cốc<br>(Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)                                                                                         | 1910 |  |

4. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty khác với nội dung đề xuất điều chỉnh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định việc xóa bỏ, bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổng Giám đốc được quyền quyết định thực hiện thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty cho phù hợp nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.
5. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc làm thủ tục thông báo thay đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát. Tổng Giám đốc được quyền ủy quyền lại.
  - **Nội dung 10.** Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ theo tờ trình số 10/TT-DHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
  - **Nội dung 11.** Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán theo tờ trình số 11/TT-DHĐCĐ.2026 ngày 27/3/2026.
  - **Nội dung 12.** Thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát nhiệm kỳ 2026 – 2031, chi tiết:
    - Hội đồng Quản trị gồm 10 thành viên:
      - Ông Trần Đình Long
      - Ông Trần Tuấn Dương
      - Ông Nguyễn Mạnh Tuấn
      - Ông Doãn Gia Cường
      - Ông Hoàng Quang Việt
      - Ông Nguyễn Ngọc Quang
      - Ông Nguyễn Việt Thắng
      - Ông Chu Quang Vũ
      - Ông Đặng Ngọc Khánh



- Ông Tạ Tuấn Quang
- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:
  - Bà Bùi Thị Hải Vân
  - Bà Ngô Lan Anh
  - Bà Thái Thị Lộc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát bắt đầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, các Quy chế hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật kể từ ngày lập Biên bản này đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2031 thông qua việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thay thế.

#### **V. Quyết định**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã thông qua toàn bộ 11 nội dung nêu trên, chi tiết tỷ lệ biểu quyết của từng nội dung được thể hiện tại Biên bản kiểm phiếu đính kèm Biên bản họp này.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 44 phút cùng ngày. Chủ tọa và Ban Thư ký cùng ký tên dưới đây.

**TM. BAN THƯ KÝ**



**TÀO NGUYỆT ÁNH**



**TRẦN ĐÌNH LONG**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

HÒA PHÁT

Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Vào hồi 08 giờ 57 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường lớn Grand Ballroom, tầng 1 - Khách sạn Melia Hanoi, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam thành phố Hà Nội, Việt Nam, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Ngọc Quang

Bà : Bùi Thị Hải Vân

Ông : Trần Quang Huy

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**Số lượng Đại biểu tham gia: 1.086**

**Số lượng Đại biểu ủy quyền: 412**

Đại diện cho: **5.106.831.125** phiếu biểu quyết

Chiếm: **66,5345%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

**Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:**

**Nội dung 01: Thông qua Ban kiểm phiếu**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.086** đại diện cho **5.106.831.125** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **597** đại diện cho **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm **83,8377%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **489** đại diện cho **825.381.432** phiếu biểu quyết, chiếm **16,1623%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **597** đại diện cho: **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **581** đại diện cho: **4.263.406.174** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,5786%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **4** đại diện cho: **17.776.894** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,4152%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **12** đại diện cho: **266.625** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0062%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,5786%.**

**Nội dung 02: Thông qua nội dung và chương trình họp**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.086** đại diện cho **5.106.831.125** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **597** đại diện cho **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm **83,8377%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **489** đại diện cho **825.381.432** phiếu biểu quyết, chiếm **16,1623%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **597** đại diện cho: **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **578** đại diện cho: **4.263.095.174** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,5713%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **5** đại diện cho: **18.062.894** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,4219%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **14** đại diện cho: **291.625** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0068%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,5713%.**

**Nội dung 03: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.086** đại diện cho **5.106.831.125** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **597** đại diện cho **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm **83,8377%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **489** đại diện cho **825.381.432** phiếu biểu quyết, chiếm **16,1623%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **597** đại diện cho: **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **577** đại diện cho: **4.263.449.208** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,5796%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **4** đại diện cho: **17.776.894** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,4152%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **16** đại diện cho: **223.591** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0052%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ **99,5796%**.

**Nội dung 04: Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.086** đại diện cho **5.106.831.125** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **597** đại diện cho **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm **83,8377%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **489** đại diện cho **825.381.432** phiếu biểu quyết, chiếm **16,1623%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **597** đại diện cho: **4.281.449.693** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **581** đại diện cho: **4.267.327.660** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6702%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **3** đại diện cho: **13.876.780** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,3241%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **13** đại diện cho: **245.253** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0057%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6702%.

Biên bản được lập lúc 08 giờ 57 phút ngày 21 tháng 4 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Năm 2026.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Bùi Thị Hải Vân

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Trần Quang Huy

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**



Nguyễn Ngọc Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
HÒA PHÁT**  
Ban kiểm phiếu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---o0o---

**Ngày 21 tháng 4 năm 2026**

## **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Vào hồi 11 giờ 08 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường lớn Grand Ballroom, tầng 1 - Khách sạn Melia Hanoi, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam thành phố Hà Nội, Việt Nam, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Ngọc Quang

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Bà : Bùi Thị Hải Vân

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Ông : Trần Quang Huy

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**Số lượng Đại biểu tham gia: 1.297**

**Số lượng Đại biểu ủy quyền: 454**

Đại diện cho: **5.123.039.893** phiếu biểu quyết

Chiếm: **66,7457%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

**Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:**

**Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị số 03.1/BC-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **603** đại diện cho: **5.078.888.421** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9972%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **2** đại diện cho: **4.539** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0001%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **21** đại diện cho: **138.117** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0027%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9972%.**

**Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập số 03.2/BC-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **599** đại diện cho: **5.061.099.527** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6469%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **6** đại diện cho: **17.781.433** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,3501%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **21** đại diện cho: **150.117** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0030%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6469%.**

**Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát số 04/BC-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **606** đại diện cho: **5.078.923.080** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9979%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **4.500** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0001%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **19** đại diện cho: **103.497** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0020%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9979%.**

**Nội dung 04: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và đề trình phương án sản xuất kinh doanh năm 2026 của Ban Tổng Giám đốc số 05/BC-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **606** đại diện cho: **5.078.908.660** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9976%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **4.500** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0001%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **19** đại diện cho: **117.917** phiếu biểu quyết, chiếm:



**0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.**

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9976%.**

**Nội dung 05: Thông qua tình hình phân phối lợi nhuận năm 2025, đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 theo tờ trình số 06/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **604** đại diện cho: **5.078.908.480** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9976%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **4.500** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0001%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **21** đại diện cho: **118.097** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9976%.**

**Nội dung 06: Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025 theo tờ trình số 07/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **603** đại diện cho: **5.078.662.493** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9927%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **4** đại diện cho: **290.839** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0057%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **19** đại diện cho: **77.745** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0015%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9927%.**

**Nội dung 07: Thông qua tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2026 theo tờ trình số 07/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **603** đại diện cho: **5.078.537.532** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9903%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **3** đại diện cho: **290.800** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0057%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **20** đại diện cho: **202.745** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0040%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9903%.

**Nội dung 08: Thông qua nội dung chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo tờ trình số 08/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: 1.297 đại diện cho 5.123.039.893 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 626 đại diện cho 5.079.031.077 phiếu biểu quyết, chiếm 99,1410% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 671 đại diện cho 44.008.816 phiếu biểu quyết, chiếm 0,8590% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 626 đại diện cho: 5.079.031.077 phiếu biểu quyết, chiếm: 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 599 đại diện cho: 5.078.755.780 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9946% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 1 đại diện cho: 8.000 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0002% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 26 đại diện cho: 267.297 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0053% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9946%.

**Nội dung 09: Thông qua việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ theo tờ trình số 09/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: 1.297 đại diện cho 5.123.039.893 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 626 đại diện cho 5.079.031.077 phiếu biểu quyết, chiếm 99,1410% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **601** đại diện cho: **5.036.473.160** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,1621%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **4** đại diện cho: **42.361.120** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,8340%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **21** đại diện cho: **196.797** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0039%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Như vậy Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ 99,1621%.**

**Nội dung 10: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của Công ty theo tờ trình số 10/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **626** đại diện cho **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm **99,1410%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **671** đại diện cho **44.008.816** phiếu biểu quyết, chiếm **0,8590%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **626** đại diện cho: **5.079.031.077** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **601** đại diện cho: **5.078.802.601** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9955%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **1** đại diện cho: **4.500** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0001%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **24** đại diện cho: **223.976** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0044%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9955%.

**Nội dung 11: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 theo tờ trình số 11/TT-ĐHĐCĐ.2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: 1.297 đại diện cho 5.123.039.893 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 626 đại diện cho 5.079.031.077 phiếu biểu quyết, chiếm 99,1410% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 671 đại diện cho 44.008.816 phiếu biểu quyết, chiếm 0,8590% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 626 đại diện cho: 5.079.031.077 phiếu biểu quyết, chiếm: 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 602 đại diện cho: 4.999.180.445 phiếu biểu quyết, chiếm: 98,4278% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 2 đại diện cho: 79.697.223 phiếu biểu quyết, chiếm: 1,5691% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 22 đại diện cho: 153.409 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0030% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 98,4278%.

Biên bản được lập lúc 11 giờ 08 phút ngày 21 tháng 4 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Năm 2026.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Bùi Thị Hải Vân

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Trần Quang Huy

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**



Nguyễn Ngọc Quang





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
HÒA PHÁT**  
Ban kiểm phiếu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
---o0o---

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

## **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Vào hồi 11 giờ 08 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường lớn Grand Ballroom, tầng 1 - Khách sạn Melia Hanoi, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam thành phố Hà Nội, Việt Nam, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Ngọc Quang

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Trần Quang Huy

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Bà : Bùi Thị Hải Vân

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**Số lượng Đại biểu tham gia: 1,297**

**Số lượng Đại biểu ủy quyền: 454**

Đại diện cho: **5.123.039.893** phiếu biểu quyết

Chiếm: **66,7457%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

### **I. Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.297** đại diện cho: **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **522** đại diện cho: **5.039.953.734** phiếu biểu quyết, chiếm: **98,3782%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **775** đại diện cho: **83.086.159** phiếu biểu quyết, chiếm: **1,6218%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số tờ phiếu hợp lệ: **521** đại diện cho: **4.991.205.691** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,0328%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Số tờ phiếu không hợp lệ: 1 đại diện cho: 48.748.043 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,9672% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Kết quả chi tiết :**

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Mạnh Tuấn  
Số tờ phiếu tán thành: 255 đại diện 4.290.512.083 phiếu bầu chiếm: 85,1300% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Họ và tên ứng viên: Doãn Gia Cường  
Số tờ phiếu tán thành: 225 đại diện 4.284.440.580 phiếu bầu chiếm: 85,0095% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Họ và tên ứng viên: Hoàng Quang Việt  
Số tờ phiếu tán thành: 218 đại diện 4.285.230.559 phiếu bầu chiếm: 85,0252% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Ngọc Quang  
Số tờ phiếu tán thành: 218 đại diện 4.180.874.196 phiếu bầu chiếm: 82,9546% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Việt Thắng  
Số tờ phiếu tán thành: 292 đại diện 4.433.832.052 phiếu bầu chiếm: 87,9737% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



**Họ và tên ứng viên:** **Chu Quang Vũ**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **212** đại diện **4.034.773.582** phiếu bầu chiếm: **80,0558%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Đặng Ngọc Khánh**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **209** đại diện **4.033.322.974** phiếu bầu chiếm: **80,0270%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Tạ Tuấn Quang**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **210** đại diện **4.180.923.618** phiếu bầu chiếm: **82,9556%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Trần Đình Long**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **479** đại diện **4.797.391.380** phiếu bầu chiếm: **95,1872%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Trần Tuấn Dương**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **269** đại diện **4.636.107.857** phiếu bầu chiếm: **91,9871%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Vậy danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị gồm 10 ứng cử viên sau:**

**Họ và tên ứng viên:** **Trần Đình Long**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **479** đại diện **4.797.391.380** phiếu bầu chiếm: **95,1872%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Trần Tuấn Dương**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **269** đại diện **4.636.107.857** phiếu bầu chiếm: **91,9871%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Nguyễn Việt Thắng**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **292** đại diện **4.433.832.052** phiếu bầu chiếm: **87,9737%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Nguyễn Mạnh Tuấn**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **255** đại diện **4.290.512.083** phiếu bầu chiếm: **85,1300%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Hoàng Quang Việt**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **218** đại diện **4.285.230.559** phiếu bầu chiếm: **85,0252%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Doãn Gia Cường**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **225** đại diện **4.284.440.580** phiếu bầu chiếm: **85,0095%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Tạ Tuấn Quang**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **210** đại diện **4.180.923.618** phiếu bầu chiếm: **82,9556%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



**Họ và tên ứng viên:** **Nguyễn Ngọc Quang**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **218** đại diện **4.180.874.196** phiếu bầu chiếm: **82,9546%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Chu Quang Vũ**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **212** đại diện **4.034.773.582** phiếu bầu chiếm: **80,0558%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Đặng Ngọc Khánh**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **209** đại diện **4.033.322.974** phiếu bầu chiếm: **80,0270%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

## **II. Bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**Tổng số tờ phiếu phát ra:** **1,297.00** đại diện cho: **5.123.039.893** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Tổng số tờ phiếu thu về:** **485** đại diện cho: **5.038.515.758** phiếu biểu quyết, chiếm: **98,3501%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Tổng số tờ phiếu không thu về:** **812** đại diện cho: **84.524.135** phiếu biểu quyết, chiếm: **1,6499%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Số tờ phiếu hợp lệ:** **484** đại diện cho: **5.037.447.278** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9788%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Số tờ phiếu không hợp lệ:** **1** đại diện cho: **1.068.480** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0212%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Kết quả chi tiết :**

**Họ và tên ứng viên:** **Bùi Thị Hải Vân**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **418** đại diện cho: **4.378.856.386** phiếu bầu, chiếm: **86,9077%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Ngô Lan Anh**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **349** đại diện cho: **4.280.198.852** phiếu bầu, chiếm: **84,9496%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Thái Thị Lộc**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **322** đại diện cho: **4.279.174.484** phiếu bầu, chiếm: **84,9293%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Vậy danh sách trúng cử Kiểm soát viên gồm 3 ứng cử viên sau:**

**Họ và tên ứng viên:** **Bùi Thị Hải Vân**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **418** đại diện cho: **4.378.856.386** phiếu bầu, chiếm: **86,9077%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Ngô Lan Anh**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **349** đại diện cho: **4.280.198.852** phiếu bầu, chiếm: **84,9496%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

**Họ và tên ứng viên:** **Thái Thị Lộc**  
**Số tờ phiếu tán thành:** **322** đại diện cho: **4.279.174.484** phiếu bầu, chiếm: **84,9293%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản được lập lúc 11 giờ 08 phút ngày 21 tháng 4 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.



Ngày 21 tháng 4 năm 2026

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Bùi Thị Hải Vân

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Trần Quang Huy

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**



Nguyễn Ngọc Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
HÒA PHÁT**  
Ban kiểm phiếu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---o0o---

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

### **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Vào hồi 11 giờ 44 phút, ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường lớn Grand Ballroom, tầng 1 - Khách sạn Melia Hanoi, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam thành phố Hà Nội, Việt Nam, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Ngọc Quang

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Trần Quang Huy

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Bà : Bùi Thị Hải Vân

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

**Số lượng Đại biểu tham gia: 1.299**

**Số lượng Đại biểu ủy quyền: 454**

Đại diện cho: **5.123.040.093** phiếu biểu quyết

Chiếm: **66,7457%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết



**Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:**

**Nội dung 01: Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Tổng số tờ phiếu phát ra: **1.299** đại diện cho **5.123.040.093** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **597** đại diện cho **5.066.815.920** phiếu biểu quyết, chiếm **98,9025%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **702** đại diện cho **56.224.173** phiếu biểu quyết, chiếm **1,0975%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **597** đại diện cho: **5.066.815.920** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **579** đại diện cho: **5.048.842.243** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,6453%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **4** đại diện cho: **17.776.894** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,3508%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.



- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **14** đại diện cho: **196.783** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0039%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,6453%.

Biên bản được lập lúc 11 giờ 44 phút ngày 21 tháng 4 năm 2026 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Năm 2026.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Trần Quang Huy

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**



Bùi Thị Hải Vân

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**



Nguyễn Ngọc Quang

